

<p>Serious Illness Conversation Guide</p>	<p>Hướng Dẫn Nói Chuyện về Bệnh Tình Nghiêm Trọng Vietnamese</p>
<p>PATIENT-TESTED LANGUAGE</p>	<p>NGÔN NGỮ THỬ VỚI BỆNH NHÂN</p>
<p>SET UP</p>	<p>CHUẨN BỊ</p>
<p>“I’d like to talk about what is ahead with your illness and do some thinking in advance about what is important to you so that I can make sure we provide you with the care you want — is this okay?”</p>	<p>“Tôi muốn nói chuyện về viễn ảnh bệnh tình của quý vị và nghĩ trước về những gì quan trọng đối với quý vị để tôi có thể chắc chắn cung cấp dịch vụ chăm sóc đúng ý quý vị — có được không?”</p>
<p>ASSESS</p>	<p>THẨM ĐỊNH</p>
<p>“What is your understanding now of where you are with your illness?” “How much information about what is likely to be ahead with your illness would you like from me?”</p>	<p>“Hiện giờ quý vị hiểu như thế nào về bệnh tình của mình?” “Quý vị muốn tôi cho biết bao nhiêu tin tức về những gì có thể sẽ xảy ra về bệnh tình của quý vị?”</p>
<p>SHARE</p>	<p>CHIA SẺ</p>
<p>“I want to share with you my understanding of where things are with your illness...” Uncertain: “It can be difficult to predict what will happen with your illness. I hope you will continue to live well for a long time but I’m worried that you could get sick quickly, and I think it is important to prepare for that possibility.” OR Time: “I wish we were not in this situation, but I am worried that time may be as short as ___ (express as a range, e.g. days to weeks, weeks to months, months to a year).” OR Function: “I hope that this is not the case, but I’m worried that this may be as strong as you will feel, and things are likely to get more difficult.”</p>	<p>“Tôi muốn chia sẻ với quý vị những gì tôi hiểu về bệnh tình hiện nay của quý vị...” Không chắc: “Có thể khó tiên đoán được bệnh tình của quý vị sẽ như thế nào. Tôi hy vọng quý vị sẽ tiếp tục sống khỏe mạnh và thọ nhưng tôi lo ngại là bệnh tình quý vị có thể trở nặng nhanh chóng, và tôi nghĩ là cần phải chuẩn bị cho trường hợp có thể xảy ra đó.” HOẶC Thời gian: “Tôi ước là chúng ta không bị tình trạng này, nhưng tôi lo ngại là thời gian có thể chỉ ngắn ngủi chừng ___ (dùng một phạm vi thời gian, chẳng hạn như ngày đến tuần, tuần đến tháng, tháng đến năm).” HOẶC Khả năng hoạt động: “Tôi hy vọng là không phải như vậy, nhưng tôi lo ngại là có thể chắc chắn như quý vị sẽ cảm thấy vậy, và mọi việc có thể trở nên khó khăn hơn.”</p>

EXPLORE	THĂM DÒ
<p>“What are your most important goals if your health situation worsens?”</p> <p>“What are your biggest fears and worries about the future with your health?”</p> <p>“What gives you strength as you think about the future with your illness?”</p> <p>“What abilities are so critical to your life that you can’t imagine living without them?”</p> <p>“If you become sicker, how much are you willing to go through for the possibility of gaining more time?”</p> <p>“How much does your family know about your priorities and wishes?”</p>	<p>“Các mục tiêu quan trọng nhất của quý vị là gì nếu tình trạng sức khỏe của quý vị trở nên tệ hại hơn?”</p> <p>“Các mối sợ hãi và lo ngại lớn nhất của quý vị về tương lai cho sức khỏe của mình là gì?”</p> <p>“Yếu tố gì giúp quý vị có được can trường khi quý vị nghĩ về tương lai với bệnh tình của mình?”</p> <p>“Những khả năng nào thật quan trọng cho cuộc sống của quý vị mà quý vị không thể tưởng tượng nổi đến chuyện sống mà không có được các khả năng đó?”</p> <p>“Nếu bị bệnh nặng hơn, quý vị sẵn sàng chấp nhận đến mức nào để có thể kéo dài thêm thời gian?”</p> <p>“Gia đình quý vị biết được bao nhiêu về các ưu tiên và ý nguyện của quý vị?”</p>
CLOSE	KẾT THÚC
<p>“I’ve heard you say that ___ is really important to you. Keeping that in mind, and what we know about your illness, I recommend that we ____. This will help us make sure that your treatment plans reflect what’s important to you.”</p> <p>“How does this plan seem to you?”</p> <p>“I will do everything I can to help you through this.”</p>	<p>“Tôi nghe quý vị nói rằng ___ thật quan trọng đối với quý vị. Dựa vào yếu tố này, và những gì chúng tôi biết về bệnh tình của quý vị, tôi đề nghị là chúng tôi ____. Như vậy sẽ giúp chúng tôi bảo đảm các chương trình điều trị phản ảnh những gì quan trọng đối với quý vị.”</p> <p>“Quý vị thấy sao về chương trình này?”</p> <p>“Tôi sẽ làm tất cả những gì tôi có thể làm để giúp quý vị qua tiến trình này.”</p>
<p>This material has been modified by us. The original content can be found at https://portal.ariadnelabs.org and is licensed by Ariadne Labs under the Creative Commons Attribution-NonCommercial-ShareAlike 4.0 International License. Ariadne Labs licenses the original content as-is and as-available, and makes no representations or warranties of any kind concerning the original content or concerning this material, which Ariadne Labs has not reviewed or endorsed.</p>	<p>This material has been modified by us. The original content can be found at https://portal.ariadnelabs.org and is licensed by Ariadne Labs under the Creative Commons Attribution-NonCommercial-ShareAlike 4.0 International License. Ariadne Labs licenses the original content as-is and as-available, and makes no representations or warranties of any kind concerning the original content or concerning this material, which Ariadne Labs has not reviewed or endorsed.</p>